

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá E-HSDT của nhà thầu. E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.		
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
1.1. Giải pháp kỹ thuật tổ chức thi công bố trí tổng mặt bằng công trường bao gồm: Thiết bị thi công, lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cống ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có bản vẽ bố trí tổng mặt bằng tại công trường, có giải pháp bố trí hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và đúng với thực tế hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên	Không đạt
1.2. Biện pháp tổ chức thi công tổng thể, trình tự tổ chức thi công tất cả các hạng mục theo hồ sơ thiết kế được duyệt.	Có thuyết minh biện pháp tổ chức thi công tổng thể, trình tự tổ chức thi công các hạng mục một cách rõ ràng, chi tiết, hợp lý, phù hợp với tiến độ thi công, bố trí nhân lực và huy động máy móc thiết bị.	Đạt
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên	Không đạt
1.3. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp thi công chi tiết các hạng mục theo hồ sơ thiết kế đúng trình tự và yêu cầu kỹ thuật như: Nền đường, Móng cáp Phối đá dăm, Thoát nước, Mặt đường BTN, Tổ chức giao thông, Cắm mốc GPMB...	Có giải pháp kỹ thuật (trình bày bằng thuyết minh, bản vẽ biện pháp thi công), đề xuất máy móc thiết bị và biện pháp thi công hợp lý, đảm bảo theo đúng quy trình, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu hiện hành và có nêu rõ quy trình, tiêu chuẩn áp dụng trong việc thi công, nghiệm thu và phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng	Đạt
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên	Không đạt

Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

2. Tiến độ thi công

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
2.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 240 ngày kể cả chủ nhật và ngày lễ kể từ ngày khởi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 240 ngày có tính đến điều kiện thời tiết trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
2.3. Biểu tiến độ thi công bao gồm tiến độ tổng thể và tiến độ thi công chi tiết các hạng mục, công việc theo khối lượng mời thầu; hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Có Biểu tiến độ thi công bao gồm tiến độ tổng thể và tiến độ thi công chi tiết các hạng mục, công việc theo khối lượng mời thầu; hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không bao gồm tiến độ tổng thể và tiến độ thi công chi tiết các hạng mục, công việc theo khối lượng mời thầu; không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
2.3. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công. b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công.	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a, b	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a, b.	Không đạt

Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý hiện trường

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên theo yêu cầu và hợp lý.	Đạt
	Không có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên hoặc có nhưng thiếu hoặc không hợp lý.	Không đạt
Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng	Đáp ứng tất cả các tiêu chí nêu dưới đây thì được đánh giá là Đạt: - Biện pháp quản lý chất lượng các công tác thi công chính. - Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. - Biện pháp quản lý hồ sơ nghiệm thu, hoàn công, thanh quyết toán.	Đạt
	Không đáp ứng một trong các tiêu chí	Không đạt

	nêu trên.	
4.2. Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp an toàn lao động đáp ứng yêu cầu của Nghị định 06/2021/NĐ-CP; đảm bảo hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt

	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không đáp ứng yêu cầu, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
4.3. Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
4.4. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, có phương án bố trí lưu giữ chất thải rắn xây dựng theo quy định.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành và uy tín của nhà thầu		
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Đánh giá
5.1. Thời gian bảo hành công trình 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành công trình lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành công trình nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo hành của nhà thầu sau khi thi công	Có Thuyết minh chi tiết biện pháp bảo hành công trình sau khi thi công.	Đạt
	Không có Thuyết minh chi tiết biện pháp bảo hành công trình sau khi thi công hoặc Thuyết minh sơ sài không chi tiết.	Không đạt
5.3. Uy tín của nhà thầu: Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương	Nhà thầu không vi phạm các nội dung theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP: Có cam	Đạt

tự trước đó trong vòng 03 năm trở lại đây.	kết kèm theo để chứng minh	
	Nhà thầu có vi phạm các nội dung theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP hoặc không có cam kết kèm theo để chứng minh	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt
6. Các yếu tố cần thiết khác		
6.1 Biện pháp quản lý sử dụng vật tư, vật liệu thiết bị cho thi công công trình.	Có đầy đủ biện pháp quản lý sử dụng vật tư, vật liệu thiết bị hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu. Có giải pháp xử lý vật tư vật liệu không đảm bảo chất lượng.	Đạt
	Giải pháp không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng và không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của gói thầu. Không có giải pháp xử lý vật tư vật liệu không đảm bảo chất lượng.	Không đạt
6.2. Đối với các vật tư, vật liệu	Có bảng cam kết: Kê đầy đủ về chủng loại vật tư, vật liệu, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và thông số kỹ thuật đầy đủ, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế, TCVN hiện hành và đáp ứng yêu cầu tại mục III.1 chương V của E-HSMT.	Đạt
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên	Không đạt
6.3. Đối với công tác sản xuất Bê tông nhựa nóng (BTN).	- Trường hợp nhà thầu tự sản xuất BTN: Nhà thầu phải có trạm trộn BTN tuân thủ quy định tại TCVN 13567-1:2022 và cam kết trạm trộn BTN đang hoạt động bình thường (đã/đang cung cấp BTN, giấy kiểm định/kiểm tra còn hiệu lực đối với toàn bộ trạm theo quy định). - Trường hợp nhà thầu mua BTN hoặc	Đạt

	thuê trạm BTN thì phải kê khai trong hồ sơ dự thầu và cam kết trạm trộn sản xuất bê tông nhựa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định nêu trên	
	Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên	Không đạt
Kết luận	Tất cả tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.